

Số: 85/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 159/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Đặng Viết Đ** - Sinh ngày: 09/9/1999

Địa chỉ: **Thôn L, xã V, tỉnh Thanh Hóa**

Số CCCD: 0380.9900.9460 Ngày cấp: 11/11/2022

Chị **Trịnh Thị H** - Sinh ngày: 08/08/1999

Địa chỉ: **Thôn L, xã V, tỉnh Thanh Hóa**

Số CCCD: 0381.9901.4871 Ngày cấp: 27/02/2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh **Đặng Viết Đ** và chị **Trịnh Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2022 tại **UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** (Nay là **UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa**). Vợ, chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh **Đ** và chị **H** xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: **Đặng Thiện S** - sinh ngày: 16/5/2022. Ly hôn, anh **Đ** và chị **H** thỏa thuận giao cháu **Đặng Thiện S** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H** mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn đến khi cháu **S** đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh **Đặng Viết Đ** và chị **Trịnh Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh **Đặng Viết Đ** và chị **Trịnh Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị **Trịnh Thị H** chịu lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Viết Đ** và chị **Trịnh Thị H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Đặng Thiện S** - sinh ngày: 16/5/2022 cho chị **Trịnh Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Đặng Viết Đ** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H** mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 đến khi cháu **Đặng Thiện S** đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh **Đặng Viết Đ** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Trịnh Thị H** tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị **H** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số: 0003899 ngày 19/5/2026. Chị **Trịnh Thị H** đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Vân Du;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn



